

T, ngày 14 tháng 4 năm 2023

Số: 21/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Hà Thị D**, sinh năm 2002;

Địa chỉ: khu Th, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: ông Lê Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* **Anh Bùi Quốc Kh**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Khu Th, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị D và anh Bùi Quốc Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị D và anh Kh có 01 (một) con chung là cháu Bùi Trà M, sinh ngày 18/4/2021. Khi ly hôn, chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

M đến khi thành niên. Anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:*
Chị D và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí sơ thẩm:*

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Hà Thị D và anh Bùi Quốc Kh theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

